TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15.3.2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Điền
Hội thẩm nhân dân:
1. bà Trần Thúy Kiên
2. bà Thái Ánh Trinh

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Mỹ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát*** nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa: ông Hồng Quốc Vệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 29.01.2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01.3.2024, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: chị ***Nguyễn Thị T***, sinh năm 1994, nơi cư trú ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bạc Liêu.

- <u>*Bị đơn*</u>: anh ***Nguyễn Hùng V***, sinh năm 1993, nơi cư trú khu vực A, phường B, quận T, tp. Cần Thơ *(đang chấp hành án tại trại giam kênh 5)*.

- <u>*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*</u>: cháu Nguyễn Hoàng Đình I, sinh năm 2017 *(đang sống với chị T tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bạc Liêu)*.

(tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 06.12.2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*: Chị với anh Nguyễn Hùng V tự tìm hiểu rồi yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập hoán địa phương năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường B. Sau khi cưới, vợ chồng sống và làm thuê tại khu vực A, phường B, quận T cho đến khi ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2018 chị quyết định sống ly thân với anh Việt từ đó đến nay.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Đình I, sinh năm 2017 đang sống chung với chị T tại ấp X, xã Y, huyện Z, Bạc Liêu; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Hùng V; Yêu cầu được quyền nuôi con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01.3.2024, bị đơn anh Nguyễn Hùng V trình bày*: Anh thừa nhận nội dung trình bày của chị Tơ về các mối quan hệ. Anh chị quen, tìm hiểu và yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình anh tại khu vực A, phường B, quận T.

Quá trình chung sống vợ chồng có con chung là Nguyễn Hoàng Đình I, sinh năm 2017 hiện đang sống với chị T; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân từ năm 2018 đến nay nên nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn; Đồng ý ổn định cho chị T được quyền nuôi con chung đến trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn/bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Hùng V; *Về con chung*: ổn định cho chị T được quyền nuôi con chung đến trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Hùng V tự nguyện quen biết rồi yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND phường B nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh

mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Hùng V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị T, anh V chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cải vả, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2018 anh chị sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án thể hiện: chị T xin ly hôn - anh V đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị T, anh V thống nhất vợ chồng có con chung là Nguyễn Hoàng Đình I, sinh năm 2017 đang sống chung chị T tại ấp X, xã Y, huyện Z, Bạc Liêu. Theo đó, chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; Anh V đồng ý yêu cầu của chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh V đang trong thời gian chấp hành bản án 08 năm tù tại trại giam nên hiện tại không có điều kiện nuôi con, hiện cháu I đang sống chung với chị T và gia đình bên ngoại. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của đương sự nhằm đảm bảo môi trường sống và sự phát triển bình thường của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự việc chị T được quyền tiếp tục nuôi cháu I đến trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56, điều 81, điều 82 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Hùng V.

1. *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hùng V.

2. *Về con chung*: chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Đình I, sinh năm 2017 đến trưởng thành. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh V thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung, nợ chung. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số: 0005142 ngày 22.01.2024 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, nguyên đơn/bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- UBND phường B (nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền